

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ MỘT SỐ CƠ QUAN THỰC HIỆN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 02/2025 của HĐND huyện Nam Sách)

STT	Đơn vị	Biên chế giao 2025	Số có mặt	Dự toán đã giao năm 2025	Dự toán đã thực hiện và ước đến ngày 15/02/2025	Dự toán còn lại	Dự toán điều chỉnh sau khi thực hiện đề án sắp xếp tổ chức bộ máy	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	DỰ TOÁN ĐÃ GIAO	33	31	86,443,830,000	14,855,560,800	71,588,269,200	0	
1	Phòng Nội vụ	6	5	4,027,878,000	240,817,300	3,787,060,700		
-	Quản lý nhà nước			1,173,402,000	150,961,300	1,022,440,700		
-	Kinh phí phen thưởng			2,854,476,000	89,856,000	2,764,620,000		
2	Phòng Lao động-TB&XH	5	5	71,727,404,000	13,932,248,000	57,795,156,000		
-	Quản lý nhà nước			1,276,518,000	252,985,000	1,023,533,000		
	Trong đó:							
	+ Chi cho con người			984,518,000	159,170,000	825,348,000		
	+ Chi nghiệp vụ			125,000,000	27,165,000	97,835,000		
	+ Chế độ hỗ trợ CC làm việc bộ phận một cửa; chi các hoạt động về trẻ em			62,000,000	17,000,000	45,000,000		
	+ Hoạt động ngày Thương binh liệt sĩ, phần mềm kế toán			75,000,000	34,650,000	40,350,000		
	+ Tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021-2025			30,000,000	15,000,000	15,000,000		
-	Bảo trợ xã hội			61,117,000,000	11,542,978,000	49,574,022,000		
	Trong đó: + Chế độ BHXH, công tác quản lý			58,088,000,000	10,194,228,000	47,893,772,000		
	+ Thu thập, chỉnh sửa thông tin người LĐ; Ủy quyền mai táng phí, chúc thọ			3,029,000,000	1,348,750,000	1,680,250,000		
-	Kinh phí cấp bù học phí theo NĐ81			9,253,886,000	2,120,150,000	7,133,736,000		

STT	Đơn vị	Biên chế giao 2025	Số có mặt	Dự toán đã giao năm 2025	Dự toán đã thực hiện và ước đến ngày 15/02/2025	Dự toán còn lại	Dự toán điều chỉnh sau khi thực hiện đề án sắp xếp tổ chức bộ máy	Ghi chú
-	Sự nghiệp văn hóa (Tiền công bảo vệ Đền Liệt sĩ)			80,000,000	16,135,000	63,865,000		
3	Phòng Tài nguyên và MT	8	8	1,986,869,000	233,065,900	1,753,803,100	0	
-	Quản lý nhà nước			1,701,869,000	233,065,900	1,468,803,100		
-	Sự nghiệp môi trường			285,000,000		285,000,000		
4	Phòng Nông nghiệp&PTNT	5	4	5,416,928,000	119,660,700	5,297,267,300	0	
-	Quản lý nhà nước			838,908,000	119,660,700	719,247,300		
-	Sự nghiệp nông nghiệp			3,418,020,000		3,418,020,000		
-	Sự nghiệp phòng chống thiên tai			1,160,000,000		1,160,000,000		
5	Phòng Y tế	2	2	768,155,000	82,648,700	685,506,300	0	
-	Quản lý nhà nước			468,155,000	82,648,700	385,506,300		
-	Sự nghiệp y tế			300,000,000		300,000,000		
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo	7	7	2,516,596,000	247,120,200	2,269,475,800	0	
-	Quản lý nhà nước			1,456,596,000	247,120,200	1,209,475,800		
-	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo			1,060,000,000		1,060,000,000		
B	DỰ KIẾN KINH PHÍ ĐIỀU CHUYỂN	33	31		0	0	71,588,269,200	
1	Phòng Nội vụ	9	8			0	6,125,435,500	
-	Quản lý nhà nước						1,616,700,500	
	<i>Trong đó: 3 biên chế từ Phòng LĐTBXH đến</i>						553,909,800	
-	Kinh phí khen thưởng						2,764,620,000	
-	Sự nghiệp văn hóa (Tiền công bảo vệ Đền Liệt sĩ)						63,865,000	
-	Bảo trợ xã hội						1,680,250,000	

STT	Đơn vị	Biên chế giao 2025	Số có mặt	Dự toán đã giao năm 2025	Dự toán đã thực hiện và ước đến ngày 15/02/2025	Dự toán còn lại	Dự toán điều chỉnh sau khi thực hiện đề án sắp xếp tổ chức bộ máy	Ghi chú
2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	13	12			0	7,066,070,400	
-	Quản lý nhà nước						2,203,050,400	
	<i>Trong đó: Tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021-2025 (nhiệm vụ từ Phòng LĐTBXH cũ chuyển sang)</i>						15,000,000	
-	Sự nghiệp nông nghiệp						3,418,020,000	
-	Sự nghiệp phòng chống thiên tai						1,160,000,000	
-	Sự nghiệp môi trường						285,000,000	
3	Phòng Y tế	4	4			0	48,993,551,500	
-	Quản lý nhà nước						799,779,500	
	Trong đó:							
	+ Chế độ hỗ trợ công chức làm việc bộ phận một cửa; chi các hoạt động về trẻ em						45,000,000	
	+ <i>Tăng 02 biên chế từ Phòng LĐTBXH đến</i>						369,273,200	
-	Sự nghiệp y tế						300,000,000	
-	Sự nghiệp đảm bảo xã hội						47,893,772,000	
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	7	7			0	9,403,211,800	
-	Quản lý nhà nước						1,209,475,800	
-	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo						1,060,000,000	
-	Kinh phí cấp bù học phí theo NĐ81						7,133,736,000	